ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KTCN

Số: 151/BC-ĐHKTCN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 7 năm 2014

BÁO CÁO

Tổng kết đánh giá hiện trạng sinh viên tốt nghiệp năm 2014
Chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp

Phần I: ĐẶT VẤN ĐỀ

- Việc đánh giá hiện trạng sinh viên tốt nghiệp là rất quan trọng và cần thiết vì nó có tác động lớn đến việc nâng cao chất lượng đào tạo. Kiểm tra, đánh giá khách quan, nghiêm túc, đúng phương pháp sẽ là động lực mạnh mẽ khích lệ sự vươn lên trong học tập của sinh viên, thúc đẩy sự tìm tòi sáng tạo không ngừng của sinh viên. Đặc biệt, nó sẽ giúp cho các khoa, nhà trường điều chỉnh lại chương trình đào tạo, cách thức đào tạo của mình cho phù hợp.

- Thực tế cũng cho thấy, không ít sinh viên đã tốt nghiệp vẫn chưa tìm được việc làm. Nói cách khác là họ chưa được xã hội chấp nhận. Nguyên nhân chính có thể nói là do họ không đủ năng lực, không đủ các kiến thức cần thiết để đảm đương các nhiệm vụ thực tế, mặc dù họ đã đủ điều kiện để tốt nghiệp. Điều đó nói lên tầm quan trọng của việc đánh giá hiện trạng sinh viên tốt nghiệp.

- Thấy được tầm quan trọng của việc đánh giá hiện trạng sinh viên tốt nghiệp, dưới sự chỉ đạo và theo kế hoạch đánh giá của Đại học Thái Nguyên, trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp đã chọn ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệplà 1 trong 2 ngành của trường được tiến hành đánh giá lần này.

Phần II: ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

2.1. Đối tượng đánh giá

- Đối tượng đánh giá là sinh viên K45 - tốt nghiệp ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp năm 2014 - Khoa Xây dựng và Môi trường Trường ĐHKTCN
- Số lượng dự kiến: 50 sinh viên

2.2. Thời gian và địa điểm đánh giá

- Thời gian: Ngày 04/06/2014
- Địa điểm đánh giá: + Tin học: A6-PM1 và PM2
  + Ngoại ngữ: A10-304, A10-404
  + Chuyên môn: A9-301, A9-302

2.3. Nội dung đánh giá

- Tin học: kiến thức cơ bản
- Ngoại ngữ: trình độ B
- Kiến thức chuyên môn: 20 chủ đề

2.4. Hội đồng đánh giá

- Ban chỉ đạo hoạt động đánh giá hiện trạng sinh viên tốt nghiệp được thành lập theo Quyết định số 38/QĐ-ĐHKTCN ngày 29/4/2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp.

- Hội đồng chuyên môn được thành lập theo Quyết định số 40/QĐ-ĐHKTCN ngày 29/4/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp.

- Hội đồng thi tin học, Ngoại ngữ được thành lập theo Quyết định số 46/QĐ-ĐHKTCN ngày 02/6/2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp.

- Hội đồng đánh giá được thành lập theo Quyết định số 39/QĐ-ĐHKTCN ngày 29/4/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp.

**** Danh sách Hội đồng đánh giá***

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Vũ Ngọc Pi	Phó Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	TS. Dương Thế Hùng	Trưởng khoa XD & MT	P. Chủ tịch HĐ
3	ThS. Hàn Thị Thúy Hằng	P. Trưởng khoa XD & MT	UV thường trực
4	ThS. Hồ Bá Dũng	Bí thư đoàn thanh niên	Ủy viên
5	ThS. Nguyễn Thị Vân	P.Trưởng BM Lý luận chính trị	Ủy viên
6	ThS. Trần Khải Hoàn	P. Trưởng BM Xây dựng	Uỷ viên
7	ThS. Lại Ngọc Hùng	Trưởng BM Xây dựng	Uỷ viên
8	ThS. Nguyễn Xuân Thành	Trưởng BM Kiến trúc	Uỷ viên
9	ThS. Ngô Thu Huyền	P. Trưởng BM Kiến trúc	Uỷ viên
10	KS. Tạ Viết Khang	GĐ Công ty tư vấn xây dựng phát triển hạ tầng miền bắc	UV-Nhà tuyển dụng
11	TS. Vũ Minh Tân	Giảng viên trường Đại học Xây dựng	UV-Giảng viên ngoài

**** Ban thư ký***

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	ThS. Nguyễn Thúy Hiên	Giảng viên BM Kiến trúc	Trưởng ban

2	ThS. Nguyễn Tiến Đức	Trợ lý khoa học khoa XD & MT	Uỷ viên
3	KS. Nguyễn Văn Luân	Giảng viên BM Kiến trúc	Uỷ viên

2.5 Công cụ đánh giá

Công cụ đánh giá:

- Về tin học: Một bài thi thực hành trên máy tính.
- Về ngoại ngữ: Một bài thi trắc nghiệm
- Về kiến thức chuyên môn và nhận thức xã hội: Vấn đáp dựa trên các câu hỏi được xây dựng trước.

2.6. Phương pháp lượng giá

- Về tin học và ngoại ngữ: Sinh viên thi đề chung của Đại học Thái Nguyên dùng để đánh giá sinh viên tốt nghiệp trong toàn Đại học.
- Về kiến thức chuyên môn và nhận thức xã hội: Sinh viên bốc thăm câu hỏi, chuẩn bị 30 phút, trả lời vấn đáp trước hội đồng chuyên môn về các nội dung câu hỏi bốc được.

2.7. Chỉ số đánh giá

- Về tin học và ngoại ngữ: Dựa trên thanh điểm 10
- Về kiến thức chuyên môn và nhận thức xã hội: Dựa trên thang điểm 10 (trong đó phần kiến thức chuyên ngành đánh giá dựa trên thang điểm tối đa 7, phần kiến thức lý luận xã hội đánh giá dựa trên thang điểm tối đa 3)

Phần III: KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

3.1. Đối tượng đánh giá

- Đối tượng đánh giá là sinh viên K45 - tốt nghiệp ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp năm 2014 - Khoa Xây dựng và Môi trường Trường ĐHKTCN
- Số lượng: 46 sinh viên

3.2 Kết quả đánh giá

1. Đánh giá trình độ tin học

Số sinh viên yêu cầu tham gia theo dự kiến: 50 Tỉ lệ

Số sinh viên tham gia thực tế: 46 92%

Thang điểm (10)	Số lượng (SV)	Tỉ lệ (%)
Số sinh viên đạt điểm ≥ 8,5	01/46	2,17%
Số sinh viên đạt điểm ≥7 và <8,5	10/46	21,74%
Số sinh viên đạt điểm ≥5,5 và <7	07/46	15,22%
Số sinh viên đạt điểm ≥4 và <5,5	15/46	32,61%

Số sinh viên đạt điểm <4	13/46	28,26%

2. Đánh giá trình độ tiếng anh: kiến thức và kỹ năng

Số sinh viên yêu cầu tham gia theo dự kiến: 50

Số sinh viên tham gia thực tế: 46

Thang điểm (10)	Số lượng (SV)	Tỉ lệ (%)
Số sinh viên đạt điểm ≥ 8,5	01/46	2,17%
Số sinh viên đạt điểm ≥7 và <8,5	06/46	13,04%
Số sinh viên đạt điểm ≥5,5 và <7	11/46	23,91%
Số sinh viên đạt điểm ≥4 và <5,5	16/46	34,78%
Số sinh viên đạt điểm <4:	12/46	26,09%

3. Kết quả đánh giá sinh viên, phần chính trị và chuyên môn

Số sinh viên yêu cầu tham gia theo dự kiến: 50

Số sinh viên tham gia thực tế: 46

Thang điểm (10)	Số lượng (SV)	Tỉ lệ (%)
Số sinh viên đạt điểm từ 0 đến 3,9	0/46	0%
Số sinh viên đạt điểm từ 4,0 đến 5,4	0/46	0%
Số sinh viên đạt điểm từ 5,5 đến 6,9	05/46	10,86%
Số sinh viên đạt điểm từ 7 đến 8,4	24/46	52,17%
Số sinh viên đạt điểm từ 8,5 đến 10	17/46	36,95%

Phần IV: THẢO LUẬN

4.1. Nội dung đánh giá

- Nội dung thảo luận của hội đồng đánh giá dựa vào kết quả về tin học, ngoại ngữ , kiến thức chuyên môn và nhận thức xã hội trên cơ sở kiến thức đã học.
- Nội dung thảo luận của hội đồng đánh giá dựa vào kết quả về tin học, ngoại ngữ, kiến thức chuyên môn và nhận thức xã hội trên cơ sở trình độ mặt bằng chung của sinh viên các trường cùng chuyên ngành.
- Nội dung thảo luận của hội đồng đánh giá dựa vào kết quả về tin học, ngoại ngữ, kiến thức chuyên môn và nhận thức xã hội trên cơ sở yêu cầu thực tế đòi hỏi trong công việc.

4.2. Công cụ và phương pháp lượng giá

* Công cụ thảo luận của hội đồng đánh giá về kết quả sinh viên qua các bài thi về các môn tin học, ngoại ngữ, kiến thức chuyên môn và nhận thức xã hội dựa trên cơ sở sau:

- Nội dung chương trình và kiến thức đã học của sinh viên
- Dựa trên cơ sở trình độ mặt bằng chung của sinh viên các trường cùng chuyên ngành.

- Dựa trên cơ sở yêu cầu thực tế đòi hỏi trong công việc.

* Phương pháp lượng giá

- Thảo luận đánh giá về tin học và ngoại ngữ dựa trên kết quả của sinh viên do Đại học Thái Nguyên đánh giá sinh viên tốt nghiệp trong toàn Đại học.
- Thảo luận đánh giá về kiến thức chuyên môn và nhận thức xã hội dựa trên cơ sở kết quả đánh giá sinh viên của giảng viên, nhà tuyển dụng và giảng viên trường bạn từ đó đánh giá được toàn diện sinh viên vừa có kiến thức chuyên môn nghề nghiệp vừa đáp ứng được nhu cầu của xã hội.

4.3. Vai trò của Chuyên gia bên ngoài và Nhà tuyển dụng.

Trong quá trình đánh giá sinh viên vai trò của chuyên gia bên ngoài là hết sức quan trọng. Ngoài kiến thức chuyên môn thì chuyên gia ngoài trường yêu cầu sinh viên tốt nghiệp và đi làm cần có những kĩ năng sau:

- Kĩ năng giao tiếp
- Kĩ năng thích ứng và linh hoạt
- Kĩ năng làm việc nhóm
- Kĩ năng giải quyết vấn đề
- Kĩ năng hòa đồng
- Kĩ năng tạo động lực cho bản thân
- Kĩ năng thuyết phục
- Kĩ năng quản lí thời gian

Đây là những kĩ năng mà tự mỗi sinh viên phải có được trước khi đi làm. Qua sự đánh giá của nhà tuyển dụng và chuyên gia bên ngoài mới thấy được hầu hết sinh viên là thiếu và yếu những kĩ năng này. Qua việc này giúp chúng ta hiểu được điểm yếu của sinh viên để bổ sung vào trong quá trình giảng dạy.

4.4. Quá trình triển khai hoạt động đánh giá

Đây là một quá trình triển khai rất công phu ty mỉ cẩn thận. Chuẩn bị chủ đề dàn trải hết khối kiến thức được đào tạo và kĩ năng thực hành thực tế. Hoạt động đánh giá hiện trạng sinh viên tiến hành định kỳ hàng năm cần tiến hành từ đầu năm.

4.5. Kết quả đánh giá

Căn cứ vào điểm số sinh viên đạt được cho thấy kết quả đánh giá sinh viên về phần chuyên môn tương đối tốt và được chuyên gia ngoài trường đánh giá cao. Sinh viên có khả năng tiếp cận công việc ngay sau khi tốt nghiệp. Phần ngoại ngữ tin học chưa cao, sinh viên chưa thực sự tập trung vào học các môn học này. Lý do việc sinh viên chưa có kết quả cao về ngoại ngữ và tin học phản ánh là sinh viên chưa được thực hành về tin học và ngoại ngữ nhiều. Sinh viên vẫn chưa hiểu đúng tầm quan trọng của việc rèn luyện ngoại ngữ và tin học.

Phần V: KIẾN NGHỊ

5.1. Với Đại học Thái Nguyên

- Đại học Thái nguyên cần tổ chức các lớp tập huấn để có thể triển khai đánh giá có hiệu quả hơn.

- Cần thiết tổ chức các hội nghị để trao đổi, rút kinh nghiệm và học tập lẫn nhau giữa các trường trong công tác này;

5.2. Với Cơ sở đào tạo

- Nhà trường cần rút kinh nghiệm trong việc lập kế hoạch đánh giá để có thể tiến hành đánh giá trong khoảng thời gian cần thiết tối thiểu;

- Công tác chuẩn bị đánh giá cần chuẩn bị kỹ lưỡng hơn. Đặc biệt cần tổ chức tập huấn cán bộ trước khi đánh giá;

5.3. Với chương trình đào tạo ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp

Nhìn chung chương trình đào tạo ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp đã được đánh giá là tốt không chỉ bởi sinh viên đã tốt nghiệp của ngành mà còn bởi các doanh nghiệp, các công ty và những nơi tuyển dụng. Điều này cũng được khẳng định lại qua kết quả đánh giá hiện trạng sinh viên tốt nghiệp lần này. Mặc dù việc đánh giá của hội đồng mới chỉ thông qua việc kiểm tra kiến thức và kỹ năng mang tính lý thuyết mà chưa đi sâu được vào kiểm tra, đánh giá kiến thức qua các tình huống thực tế nghề nghiệp hay qua thuyết trình các phương án hay quy trình xây dựng.

Cũng qua kết quả đánh giá hiện trạng sinh viên tốt nghiệp, có thể nói kiến thức về tin học và ngoại ngữ của các em còn hạn chế. Điều này có thể cho thấy rõ hạn chế của chương trình đào tạo là thời lượng cho 2 môn học này còn ít. Vì vậy, cần thiết phải điều chỉnh thời lượng trong chương trình đào tạo cho 2 môn học này. Thêm vào đó, trong quá trình học các môn cở sở ngành và chuyên ngành cần thiết phải đưa việc sử dụng ngoại ngữ, tin học vào trong chương trình và quá trình giảng dạy.

***Nơi nhận*:**
- Ban TT,KT&ĐBCLGD-ĐHTN;
- BGH (để báo cáo);
- Khoa XD và MT;
- Lưu VT; TT,KT&ĐBCLGD.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

PGS.TS. Vũ Ngọc Pi

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KTCN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỂM TỔNG HỢP THI ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2014

Chuyên ngành: Xây dựng dân dụng và công nghiệp

(Kèm theo báo cáo số: 151/BC-ĐHKTCN ngày 28 tháng 7 năm 2014 của Hiệu trưởng trường ĐHKTCN)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TB toàn khóa	Điểm Ngoại ngữ	Điểm tin học	Điểm chuyên môn	Điểm tổng hợp
1	Đặng Văn Thái	12/7/1991	2.05	4.5	6	7.4	6.0
2	Đặng Văn Thành	1/11/1991	2.52	5.3	6	9	6.8
3	Đỗ Hữu Đại	16/04/91	2.32	3.8	7.3	9	6.7
4	Đinh Văn Chiên	8/2/1991	2.56	6	7	7.8	6.9
5	Đoàn Kim Khang	3/4/1990	2.72	4	7.3	8.5	6.6
6	Dương Chí Võ	8/12/1991	2.59	3.3	5.3	7.8	5.5
7	Hà Ngọc Huy	23/06/91	2.26	7.5	8	6.2	7.2
8	Hà Sĩ Việt	20/10/91	2.54	6.5	5.8	6.2	6.2
9	Hà Văn Học	5/6/1990	2.72	7.3	4.3	7.9	6.5
10	Hoàng Huy Nhớ	3/5/1991	2.32	4.8	2.3	7.7	4.9
11	Hoàng Văn Chức	27/06/91	2.32	3.5	3	7.6	4.7
12	Hoàng Văn Quý	20/11/91	2.65	5	4.5	7	5.5
13	Huỳnh Thái Dương	14/12/91	2.66	4.8	8.5	8.2	7.2
14	Lương Thế Hải	28/03/90	2.08	6.3	3.8	6.6	5.6
15	Lê Tiến Đại	19/07/91	2.16	5.3	7.8	9.7	7.6
16	Lưu Minh Tiến	2/9/1991	2.11	4.5	5	10	6.5
17	Ma Khắc Nhân	23/06/91	2.70	5.5	2	7.6	5.0
18	Nguyễn Doãn Mười	30/05/91	2.40	4.5	4.5	9.1	6.0
19	Nguyễn Hữu Thanh	21/04/91	2.13	3.8	3.8	7.4	5.0
20	Nguyễn Khắc Lãm	10/5/1990	2.81	4.8	1.5	9.2	5.2
21	Nguyễn Quang Trình	10/9/1991	2.68	3.5	4	8.8	5.4
22	Nguyễn Quốc Huy	20/10/91	2.23	6.8	6	9.1	7.3
23	Nguyễn Thị Diệu Linh	1/8/1990	2.86	8.5	1.5	8	6.0
24	Nguyễn Thị Hải	3/7/1991	2.83	6	5	8	6.3
25	Nguyễn Văn Được	5/11/1987	2.08	7.8	4.5	8.6	7.0
26	Nguyễn Văn Hoàng	5/2/1991	2.09	6.3	5	7.9	6.4
27	Nguyễn Văn Lực	2/6/1991	2.17	4.8	4.5	7.6	5.6
28	Nguyễn Văn Thông	7/7/1991	2.04	3.5	2.5	9.4	5.1
29	Nguyễn Văn Toan	24/11/91	2.35	3.5	5.5	6.8	5.3
30	Nguyễn Xuân Diệu	9/6/1990	2.64	5.5	8	7.5	7.0
31	Phạm Đăng Lịch	26/10/91	2.15	5	5	8.9	6.3
32	Phạm Sỹ Hoàng	19/10/91	2.54	7.5	4	9.6	7.0
33	Phạm Tùng Long	2/1/1991	2.36	2.8	2.8	7	4.2
34	Phạm Văn Chí	21/06/91	2.17	3.8	7.8	8.2	6.6
35	Phạm Văn Hùng	14/02/91	2.21	4.8	3.5	6.2	4.8
36	Phạm Văn Hiệp	5/12/1991	2.75	6	8	9	7.7
37	Phù Văn Hảo	14/08/90	2.52	8.3	4.5	7.2	6.7
38	Trương Văn Ba	20/10/90	2.39	3.8	2.5	8.2	4.8
39	Trần Ba Duy	25/10/91	2.43	4.8	7	8.5	6.8
40	Trần Mạnh Hùng	14/09/91	2.65	6.8	7.5	8.1	7.5
41	Trần Văn Lưỡng	22/10/91	2.41	5	4.3	8.7	6.0
42	Đỗ Văn Việt	16/02/91	2.84	4.75	6.75	8.1	6.53
43	Trịnh Như Thanh	4/4/1991	2.57	3.5	3.5	8	5.0
44	Trịnh Thị Tuyết	10/1/1991	2.99	3	3.5	8.2	4.9
45	Vũ Đình Vinh	31/07/90	2.62	5.8	5.3	8.7	6.6
46	Vũ Thị Hiền	1/7/1991	2.62	7.5	6	7.9	7.1

Ấn định danh sách: 46 sinh viên